

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LAI CHÂU****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **1770**/QĐ-UBNDThành phố Lai Châu, ngày **29** tháng **12** năm 2023**QUYẾT ĐỊNH****V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị  
nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17  
phường Quyết Thắng (Địa bàn phường Đoàn Kết)****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (Địa bàn phường Đoàn Kết);



Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1018/TTr-TNMT ngày 29/12/2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Lò Thị Thu Hà - Cư trú tại Tổ 11, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 411.202.983 đồng.

(Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu, hai trăm linh hai nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đoàn Kết.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Lò Thị Thu Hà có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Đoàn Kết, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, PCT UBND thành phố (Đ/c Xiêng);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**DỰ ÁN: TUYỂN ĐƯỜNG VÀ MẶT BẰNG ĐÔ THỊ ĐƯỜNG NỐI TỪ TRỤ SỞ UBND PHƯỜNG ĐOÀN KẾT MỚI ĐẾN GIAO ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG (ĐỊA BÀN PHƯỜNG ĐOÀN KẾT)**

(Kèm theo Quyết định số: 1770 /QĐ-UBND ngày 29 /12/2023 của UBND thành phố Lai Châu)

| STT      | Tên các hạng mục   | ĐVT            | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú   |  |
|----------|--|----------------|----------|---|-------------------|---|--|
| 1        | 2  | 3              | 4        | 5   | 6=4*5             |   |  |
|          | <b>Hộ gia đình: LÒ THỊ THU HÀ</b>  |                |          |   |                   |   |  |
|          | <b>Địa chỉ thường trú:</b> Tổ 11, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu  |                |          |   |                   |   |  |
|          | <b>Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)</b>   |                |          |   |                   | <b>411.202.983</b>  |  |
| <b>a</b> | <b>Về đất</b>  |                |          |   |                   | <b>56.830.660</b>   |  |
| 1        | Diện tích thu hồi  | m <sup>2</sup> | 234,3    |   |                   |   |  |
| 2        | Loại đất:  |                |          |   |                   |   |  |
| 2.1      | Đất ở đô thị (Vị trí 3 đường nhánh YAMAHA)   | m <sup>2</sup> | 204,1    | 273.000   | <b>55.719.300</b> | <i>Tiền bồi thường về đất ở chưa đổi trừ giá trị thừa đất được bồi thường</i> |  |
| 2.2      | Đất bằng trồng cây hàng năm khác   | m <sup>2</sup> | 30,2     | 36.800  | <b>1.111.360</b>  |   |  |
|          | Vị trí: Vị trí 1   |                |          |   |                   |   |  |
|          | <p>Nguồn gốc: Gia đình bà Lò Thị Thu Hà bị thu hồi đất 01 thửa đất số 79, bản đồ dự án với diện tích 234,3 m<sup>2</sup>; đối chiếu với bản đồ địa chính năm 2022 là thửa đất số 79, tờ bản đồ số 4, trùng khớp với nhau; đối chiếu với bản đồ địa chính năm 2013 cũ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần diện tích 147,1 m' thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 1 bà Lò Thị Thu Hà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 642931 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 22/10/2018; gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.</li> <li>- Phần diện tích 55,7 m<sup>2</sup> chồng lấn lên thửa đất số 285, tờ bản đồ số 1 của ông Nguyễn Trọng Nguyên trên bản đồ địa chính, nguyên nhân là do tại thời điểm cấp giấy chưa được đo đạc chính xác, trên thực tế bà Lò Thị Thu Hà vẫn sử dụng ổn định, không tranh chấp</li> <li>- Phần diện tích 31,5 m<sup>2</sup> chồng lấn lên thửa đất số 284, tờ bản đồ số 1 trên bản đồ địa chính là đất giao thông do UBND phường quản lý nguyên nhân là do tại thời điểm cấp giấy chưa được đo đạc chính xác, trên thực tế bà Lò Thị Thu Hà vẫn sử dụng ổn định, trong đó: có 1,3 m<sup>2</sup> đã được cấp trong giấy chứng nhận số CM 642931, còn 30,2 m<sup>2</sup> là phần đất BHK của gia đình bà Lò Thị Thu Hà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng Nguyên cùng với thửa đất số 112, TĐĐ 1 nhưng do phần phía trước của gia đình sát đường giao thông nên khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2013 đã không đo phần diện tích nào vào thửa 112 cho gia đình do đó chưa được cấp GCN QSD đất, phần diện tích 30,2 m<sup>2</sup> là đất BHK có cùng nguồn gốc với GCN QSD đất số CM 642931.</li> </ul> <p>Toàn bộ các phần diện tích đất nói trên đều là của gia đình bà Lò Thị Thu Hà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trọng Nguyên có cùng nguồn gốc sử dụng đất với giấy chứng nhận đã cấp số CM 642931; Gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p> |                |          |   |                   |   |  |
| 3        | Bồi thường bằng đất ở (Dự kiến theo sơ đồ khu đất tại thửa 01 lô 1 khu phân lô trên địa bàn phường Đoàn Kết tại dự án tuyển đường và mặt bằng đô thị từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17 phường Quyết Thắng - Theo Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)   | m <sup>2</sup> | 105,0    | (Giá đất cụ thể theo quy định của UBND tỉnh tại thời điểm có Quyết định giao đất) |                   |   |  |
| <b>b</b> | <b>Tài sản, vật kiến trúc</b>  |                |          |   |                   | <b>351.839.905</b>  |  |
|          | <p>Nguồn gốc: Toàn bộ tài sản do gia đình bà Lò Thị Thu Hà tạo lập năm 2012, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính, đối với toàn bộ khối lượng đào đắp mặt bằng của khu đất gia đình làm bằng máy. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, tài sản sử dụng đúng mục đích sử dụng đất.</p>  |                |          |   |                   |   |  |
| 1        | Nhà xây gạch bi T12 cm, mái lợp ngói, nền láng VXM, cao 3,9m (6.9*24) (trừ đơn giá trần nhựa 120.340 đồng)   | m <sup>2</sup> | 165,6    | 1.760.060   | 291.465.936       |   |  |
| 2        | Xí bệt   | Cái            | 1,0      | 960.000   | 960.000           |   |  |



| STT      | Tên các hạng mục   | ĐVT            | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|----------|--|----------------|----------|-----------|-------------------|---------|
| 3        | Téc nước   | Cái            | 1,0      | 612.700   | 612.700           |         |
| 4        | Bê phốt xây gạch đỏ T11cm có nắp BTCT, thể tích V>6m3 (dài x rộng x cao) (2.2*2.5*2) | m <sup>3</sup> | 11,0     | 1.032.500 | 11.357.500        |         |
| 5        | Khung sắt lưới B40 (40*1.5)  | m <sup>2</sup> | 60,0     | 151.000   | 9.060.000         |         |
| 6        | Tường xây gạch đỏ T11 cm (40*0.4)+(8*0.4)  | m <sup>2</sup> | 19,2     | 335.600   | 6.443.520         |         |
| 7        | Ống nhựa PVC fi 90   | m              | 50,0     | 43.545    | 2.177.250         |         |
| 8        | Nền bê tông đá dăm dày 10cm (2.2*0.8)  | m <sup>2</sup> | 1,8      | 102.400   | 180.224           |         |
| 9        | Công sắt (2.8*4)   | m <sup>2</sup> | 11,2     | 1.011.000 | 11.323.200        |         |
| 10       | Lưới B40 (7*1.5)   | m <sup>2</sup> | 10,5     | 25.000    | 262.500           |         |
| 11       | Nền bê tông đá dăm dày 15cm (7*3)  | m <sup>2</sup> | 21,0     | 153.600   | 3.225.600         |         |
| 12       | khối lượng đào đắp đất (243 m2 * 2 m)  | m <sup>3</sup> | 486,0    | 13.500    | 6.561.000         |         |
| 12       | Kè đá xây (6.5*0.75*3.5)   | m <sup>3</sup> | 17,1     | 481.200   | 8.210.475         |         |
| <b>c</b> | <b>Về cây cối hoa màu</b>  |                |          |           | <b>2.532.418</b>  |         |
| 1        | Cây bơ phát tán bán kính R>4m  | Cây            | 1        | 935.324   | 935.324           |         |
| 2        | Cây bơ phát tán bán kính R 1-2m  | Cây            | 1        | 410.324   | 410.324           |         |
| 3        | Cây lấy gỗ khác đường kính tại 1,3m D 50cm, h 8m                                     | m <sup>3</sup> | 0,785    | 1.350.000 | 1.059.750         |         |
| 4        | Cây dâu tằm đã cho thu hoạch   | m <sup>2</sup> | 10       | 12.702    | 127.020           |         |



